TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2022/HC-PT
Ngày: 08/7/2022
V/v "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 29/2022/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5644/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đào Nguyên T, luật sư Vương Văn Q và luật sư Nguyễn Ngọc H, Văn phòng luật sư J, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 53/53 phố X, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; luật sư H có mặt, luật sư T và luật sư Q vắng mặt.

**** Người bị kiện:*** UBND và Chủ tịch UBND huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Mạnh H1, Chủ tịch UBND huyện M; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh H2, Phó Chủ tịch UBND huyện M; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Khắc T, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh L1, Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- UBND thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H3, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C, Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà Hiền: Ông Nguyễn Thành L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Việt H5, sinh năm 2006; vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Xuân K1, sinh năm 2008; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H5, cháu K1: Ông Nguyễn Thành L, bà Ngô Thị H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ngày 07/4/2020, UBND huyện M ban hành Quyết định số 3183/QĐ-UBND về việc thu hồi 85,2m^2 đất của hộ gia đình ông Nguyễn Thành L để thực hiện Dự án đường S - Đ1 nối Quốc lộ 6 trên địa bàn thị trấn S, trong đó có 60,2m^2 đất hành lang đường S – Đ1 và 43,6m^2 đất công do UBND thị trấn S quản lý thuộc một phần thửa đất số 05 tờ bản đồ số 01 (bản đồ phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện M phê duyệt tại Khu K, thị trấn S). Cùng ngày 07/4/2020, UBND huyện M ban hành Quyết định số 3181/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông, có nội dung: Gia đình ông L đang sử dụng 113,6m^2, bị thu hồi 85,2m^2, tại thửa đất số 05 tờ bản đồ số 01 nhưng là đất hành lang đường Y và lưu không Quốc lộ 6 cũ nên toàn bộ diện tích 85,2m^2 bị thu hồi không được bồi thường; tài sản trên đất hình thành từ năm 1980 được bồi thường 80% đơn giá đối với toàn bộ diện tích trong và ngoài chỉ

giới GPMB; được hỗ trợ ổn định đời sống cho 05 nhân khẩu trong 06 tháng; được mua 30m^2 đất tái định cư với giá 9.803.300đ/m^2.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ông L khiếu nại. Ngày 03/7/2020, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6108/QĐ-UBND và số 6109/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định 3181/QĐ-UBND và Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; giao UBND huyện M phê duyệt bổ sung tài sản còn thiếu là 01 cây quất 5-10cm, 01 cây chùm ngây 3-5cm và 04m^2 ớt, riềng, sả.

Ngày 17/7/2020, UBND huyện M ban hành Quyết định 6577/QĐ-UBND phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Thành L đối với một số cây hoa màu trên đất với số tiền 104.400 đồng, ông L không khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định này và bàn giao mặt bằng, nhận 551.581.040 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời, đồng ý nhận một suất đất tái định cư 30m^2 tại thửa số 62 tờ số 01 bản đồ phục vụ công tác giao đất tái định cư Z, thị trấn S, theo Quyết định 5521/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện M về việc giao đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Thành L.

Ngày 24/6/2020, UBND huyện M đã bàn giao đất trên thực địa cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành L và hộ ông L phải nộp tiền sử dụng đất là 294.099.000 đồng.

Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Thành L thì diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông có nguồn gốc được UBND xã cấp cho gia đình ông Nguyễn Xuân T1 (bố ông L) để ở từ năm 1973 là trước khi có quy hoạch đê điều và đường giao thông. Do đó, căn cứ vào Luật đất đai năm 2013, Nghị định 47/2017/NĐ-CP và Văn bản số 10/VC-UB ngày 07/01/2005 của UBND huyện M thì việc sử dụng đất của gia đình ông là hợp pháp, không phải là đất hành lang giao thông và đê điều, nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện được bồi thường. Ngoài ra, ông Nguyễn Thành L còn cho rằng: UBND huyện M áp dụng Nghị định 173-CP ngày 21/11/1963 của Chính phủ là văn bản đã hết hiệu lực; Quyết định 237/QĐ-UB ngày 15/5/1993 của UBND tỉnh Hà Tây và Quyết định 338/UB ngày 20/12/1996 ban hành sau ngày gia đình được cấp đất. Ngoài ra, theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP thì giao đất trái thẩm quyền vẫn được bồi thường nhưng gia đình ông vẫn không được xem xét.

Về hiện trạng thì sau khi bố ông L chết, gia đình họp thống nhất tách thành 02 thửa, trong đó ông Nguyễn Thành L sử dụng 113,6m^2 và bị thu hồi 85,2m^2, còn lại 28,4m^2, trên đó có nhà 02 tầng mái bê tông xây dựng năm 1980. Theo ông L thì gia đình ông phải được hỗ trợ tài sản 100% đơn giá và phải được hỗ trợ thuê nhà, tạm cư theo quy định tại Nghị định 47/2014/ND-CP và Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, nhưng UBND huyện M chỉ bồi thường, hỗ trợ 80% là không đúng.

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, bổ sung ngày 17/12/2020, ông Nguyễn Thành L yêu cầu: Hủy Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND

huyện M về việc thu hồi 85,2m^2 đất; hủy Quyết định 3181/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M về phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy Quyết định 6108/QĐ-UBND và Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại.

Chủ tịch UBND và UBND huyện M; UBND thị trấn S trình bày:

Theo nội dung đơn xin đất làm nhà ngày 04/2/1973 thì Ủy ban hành chính xã N2 có đồng ý cho ông Nguyễn Xuân T1 làm nhà ở trên mảnh đất tại khu Ngã tư V. Tuy nhiên, bản chính của đơn xin đất có dấu hiệu sửa chữa, thêm bớt nội dung, có mầu mực khác và theo bản đồ giải thửa đo vẽ năm 1983 của UBND xã N2 không thể hiện riêng thửa đất của hộ ông T1 sử dụng mà thể hiện trong một phần của thửa 59 diện tích 1.627m^2 tờ bản đồ số 1 thị trấn S.

Ngày 15/5/2004, UBND xã N2 có Thông báo 03/TB-UB về kết quả kiểm tra xác minh và trả lời đơn khiếu nại của công dân có nội dung *"UBND xã không công nhận số diện tích đất ở của hộ gia đình ông T1, bởi gia đình ông T1 không có đủ căn cứ pháp lý chứng minh đó là đất của gia đình, đất đó là đất nằm trong hành lang an toàn giao thông đường Quốc lộ 6A cũ và hành lang Y. Tại đơn xin đất làm nhà của gia đình ông ngày 04/02/1973 ông gửi lại xã là bản sao có những chỗ sửa chữa, tẩy xóa, ngắt đoạn và cụ thể nội dung đơn xin giao đất làm nhà ở của gia đình ông ngày 04/02/1973 có chứng thực của UBND xã do ông Hoàng Xuân L2 lúc đó là chủ tịch xã viết chưa thật cụ thể, rõ ràng".*

Ngày 07/01/2005, UBND huyện M có Văn bản 10/CV-UB trả lời ý kiến đề nghị của ông Nguyễn Xuân T1 với nội dung: *"Theo biên bản kiểm tra diện tích sử dụng đất ngày 05/8/2004 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, hiện trạng hộ ông Nguyễn Xuân T1 sử dụng 201m^2 đất tại Ngã tư V, phía bắc giáp Quốc lộ 6 cũ rộng 8,2m cách tim Quốc lộ 6 cũ là 2,5m; phía nam giáp ruộng canh tác rộng 6,6m; phía đông giáp đất hộ bà Nguyễn Thị P dài 21,25m; phía tây giáp đường Y dài 25,25m cách tim đường Y 5m. Trong đó diện tích nằm trong lưu không đường Y là 140m^2 (lưu không tính từ tim đường ra là 10m); diện tích nằm trong lưu không Quốc lộ 6 cũ 10m^2 (lưu không tính từ tim đường ra là 7m); diện tích nằm ngoài lưu không, không vi phạm quy hoạch là 51m^2. So sánh giữa hiện trạng sử dụng đất và giấy duyệt cấp đất cho gia đình ông Nguyễn Xuân T1, hiện trạng sử dụng không đúng vị trí với vị trí đã ghi trong giấy cấp đất (giấy cấp đất cách tim đường là 25m, hiện trạng sử dụng 25m là hết đất). Như vậy, giấy tờ sử dụng đất của gia đình ông không có cơ sở để xem xét".*

Ngày 19/4/2015, UBND huyện M có Thông báo 97/TB-UB giải quyết đơn khiếu tố của ông Nguyễn Xuân T1 với nội dung: Khẳng định trình tự giải quyết, những nội dung trả lời ông T1 tại Công văn 10/CV-UB ngày 07/01/2005 của UBND huyện M là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Ngày 18/10/2015, UBND huyện ban hành Quyết định 599/QĐ-UB giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T1 với nội dung: Nhất trí với thông báo 97/TB-UB ngày 19/4/2015 của UBND huyện M.

Theo Bản đồ hiện trạng được duyệt ngày 29/10/2018 phục vụ GPMB thì thửa đất của hộ ông T1 sử dụng có tổng diện tích là 295,4m^2 (tăng 94,4m^2 so với biên bản kiểm tra hiện trạng năm 2004) nhưng đã được tách thành 2 thửa, trong đó ông Nguyễn Thành L sử dụng một thửa có diện tích 113,6m^2 bị thu hồi 85,2m^2 còn lại 28,4m^2 (thửa 06 tờ bản đồ 01).

Toàn bộ 85,2m^2 đất hộ ông Nguyễn Thành L sử dụng bị thu hồi đều là tự sử dụng, lấn chiếm, không có văn bản ngăn chặn vi phạm của cấp có thẩm quyền, không có hồ sơ xử lý vi phạm lưu trữ tại địa phương, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên không được bồi thường theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013. Trong đó có:

+ 32,6m^2 đất hành lang đường 6 cũ và đường Y (căn cứ Nghị định số 173-CP ngày 21/11/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ bảo vệ đê điều, Luật Đê điều năm 2006 và Quyết định 17/2016/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội quy định về quản lý và hành lang bảo vệ đối với đê bao cấp IV, cấp V trên địa bàn thành phố Hà Nội) lấn chiếm sau tháng 8/2004 (sơ đồ đo vẽ của Phòng Tài nguyên và Môi trường đo đạc ngày 05/8/2004);

+ 42,6m^2 đất hành lang tuyến đường S - Đ1 nối Quốc lộ 6 (tính tim đường ra 10m);

+ 10m^2 đất hành lang lưu không đường 6 cũ (tính từ tim đường ra 7m) theo Quyết định 338/QĐ-UB ngày 20/12/1996 của UBND huyện M về mặt cắt ngang các tuyến đường bộ.

Trên đất thu hồi có nhà 02 tầng xây dựng năm 1980 trên đất hành lang giao thông, bị cắt xén nhưng phần còn lại không đảm bảo khả năng chịu lực nên được hỗ trợ toàn bộ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại Mục a Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ- UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Hộ gia đình ông Nguyễn Thành L bị phá dỡ toàn bộ tài sản, phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống cho 05 nhân khẩu thực tế đang ở tại nơi thu hồi đất trong thời gian 6 tháng với mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu tương đương 30kg gạo theo giá công bố hàng năm (15.200đ/kg) quy định tại Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Diện tích đất gia đình ông L sử dụng còn lại sau thu hồi nhỏ hơn 30m^2, không còn chỗ ở nào khác, đủ điều kiện được mua 01 suất đất tái định cư 30m^2 theo giá quy định của UBND thành phố Hà Nội nhân với hệ số điều chỉnh K = 1,3 tại Khu tái định cư Z đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản 4263/UBND-GPMB ngày 30/9/2019 theo quy định tại Điều 7, Khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng hộ ông L được nhận là 551.581.040 đồng, số tiền phải nộp khi được mua đất tái định cư là 294.099.000 đồng. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Nguyễn

Thành L đã đảm bảo theo đúng chính sách quy định của Nhà nước. Do đó, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định 3183/QĐ-UBND về thu hồi đất; Quyết định số 3181/QĐ-UBND về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Thành L không có quan điểm, ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại 2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, Quyết định 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L về việc hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M về việc thu hồi 85,2m^2 đất do hộ ông Nguyễn Thành L sử dụng để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Quyết định 3181/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L để thực hiện GPMB dự án đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6 địa bàn thị trấn S, huyện M.

- Quyết định số 6108/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu).

- Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/02/2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến như người khởi kiện đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo và nội dung khởi kiện của người khởi kiện. Đồng thời, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý thành hai vụ án khác nhau để giải quyết đối với cùng một

thửa đất của ông Nguyễn Xuân T1 để lại cho các con của ông sử dụng chung là không đúng quy định, nên đề nghị xem xét hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 02/02/2021, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành L đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là trong thời hạn. Việc chậm thực hiện các thủ tục nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là do nguyên nhân khách quan nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện, một số người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và việc thụ lý vụ án: Ngày 20/7/2020, Tòa án nhận được đơn của ông Nguyễn Thành L khởi kiện Quyết định 3183/QĐ-UBND và Quyết định 3181/QĐ-UBND cùng ngày 07/4/2020 của UBND huyện M, về việc thu hồi 85,2m^2 đất và phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L; Ngày 17/12/2020, ông Nguyễn Thành L bổ sung yêu cầu khởi kiện Quyết định 6108/QĐ-UBND và Quyết định số 6109/QĐ-UBND cùng ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại. Đây đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ đơn khởi kiện và đối tượng khởi kiện nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L cùng với yêu cầu khởi kiện của người khác giải quyết trong cùng một vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 8; Điều 125 Luật tố tụng hành chính và không thuộc các trường hợp cần phải nhập hoặc tách vụ án theo quy định tại Điều 35 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành L:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Căn cứ vào Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội quy định về thu hồi đất để thực hiện dự án trên địa bàn và kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt, UBND huyện M đã có

Thông báo số 1303/TB-UBND ngày 13/11/2017 về việc thông báo thu hồi 85,2m^2 đất của hộ ông Nguyễn Thành L để thực hiện dự án đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6. Đồng thời, tiến hành họp dân để triển khai công tác giải phóng mặt bằng; thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kiểm tra xác minh tài sản trên đất và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật. Ngày 07/4/2020, UBND huyện M ban hành Quyết định 3183/QĐ-UBND về việc thu hồi 85,2m^2 đất và Quyết định 3181/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện M đã tổ chức tiến hành xác minh, xem xét giải quyết và ban hành Quyết định 6108/QĐ-UBND; Quyết định số 6109/QĐ-UBND cùng ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng theo quy định tại Luật khiếu nại và các quy định liên quan.

Như vậy, Chủ tịch UBND và UBND huyện M ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành L cho rằng diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do UBND xã N2 giao cho gia đình ông làm nhà ở từ năm 1973 theo Đơn xin đất làm nhà ngày 04/2/1973 của ông Nguyễn Xuân T1 (bố ông L, đã chết ngày 22/12/2015) có xác nhận của Ủy ban hành chính xã N2 ngày 05/02/1973. Tuy nhiên, tài liệu này có dấu hiệu sửa chữa (thêm bớt nội dung, có mầu mực khác), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục để trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông Nguyễn Thành L, nhưng sau đó ông đã rút lại yêu cầu trưng cầu giám định. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật tố tụng hành chính, không ra quyết định trưng cầu giám định là đúng.

Về xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N2 ghi trong đơn xin đất làm nhà nêu trên có nội dung "*Trong thời gian chưa được giải quyết UBND xã N2 đồng ý cho anh T1 ở số đất nói trên".* Như vậy, thửa đất ông Nguyễn Xuân T1 xin làm nhà chỉ mới được UBND cho ở trong thời gian chờ giải quyết không phải là văn bản giao đất. Ngoài ra, tại Biên bản giải quyết đất ở ngày 03/6/1991 có chữ ký của bà Bùi Thị N (mẹ ông L) thể hiện thì thửa đất của gia đình ông Nguyễn Xuân T1 được UBND xã N2 cho ở trong thời gian chờ giải quyết đã bị thu hồi để thực hiện thủ tục giao đất theo quy định của Luật đất đai và bà N phải làm thủ tục cắm đất như luật định, nhưng đến nay các bên đều không cung cấp được thủ tục này (nội dung này đã được bà N xác nhận tại phiên tòa); Bản đồ giải thửa đo vẽ năm 1983 của UBND xã N2 cũng không thể hiện riêng thửa đất của hộ ông T1 sử dụng mà thể hiện trong một phần của thửa 59 tờ số 1 bản đồ đất nông nghiệp diện tích 1.627m^2. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: thửa đất ông Nguyễn

Xuân T1 được sử dụng theo Đơn xin đất làm nhà ngày 04/2/1973 đã bị thu hồi là có căn cứ.

Đối với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như biên lai thu thuế các năm; Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 05/8/2004 của UBND huyện M có chữ ký của ông Nguyễn Xuân T1; Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T1 ngày 08/9/2015; Biên bản họp gia đình ngày 08/01/2017 do người khởi kiện cung cấp thì nội dung ghi trong các tài liệu này là không có sự thống nhất về vị trí và diện tích, nên không có căn cứ xác định việc gia đình ông đã sử dụng và nộp thuế sử dụng thửa đất có diện tích bị thu hồi. Mặt khác, theo quy định tại Thông tư 53-TC/TCT ngày 28/9/1991 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Pháp lệnh của Hội đồng nhà nước và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về thuế nhà đất (văn bản có hiệu lực tại thời điểm gia đình ông Nguyễn Xuân T1 bắt đầu nộp thuế); Khoản 7 Điều 7 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2010 thì việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế. Đồng thời, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì biên lai nộp thuế sử dụng đất chỉ là một trong các giấy tờ được sử dụng để xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định, không phải là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Khoản 16 và Khoản 17 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP. Ngoài ra, ông L không cung cấp được hồ sơ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất hoặc các chứng cứ khác theo quy định để chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp của mình. Do đó, không có cơ sở để xác định về quyền sử dụng đất cho gia đình ông L theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 173-CP ngày 21/11/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ bảo vệ đê điều (văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm mà ông Nguyễn Thành L xác định việc gia đình ông sử dụng đất là năm 1973) thì phạm vi bảo vệ đê sông chính là 20m, đê sông nhánh là 10m kể từ chân đê trở ra. Theo Khoản 12 Điều 3 và Điều 23 Luật Đê điều 2006 (luật có hiệu lực tại thời điểm hiện hành) thì hành lang bảo vệ đê được tính từ chân đê trở ra ít nhất là 5 mét, nhiều nhất là 25m. Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ đã quy định hành lang giao thông đường quốc lộ là 20m tính từ mép đường trở ra hai bên. Theo Quyết định số 338/QĐ-UB ngày 20/12/1996 của UBND huyện M quy định mặt cắt ngang các tuyến đường bộ thuộc huyện M (Căn cứ Quyết định số 237-QĐ/UB ngày 15/5/1993 của UBND tỉnh Hà Tây) thì mặt cắt ngang đối với các tuyến đường trục của huyện là 20 mét (mỗi bên từ tim đường ra 10 mét); đoạn qua thị trấn và tuyến đường liên xã là 14 mét (mỗi bên từ tim đường ra 07 mét).

Theo Bản đồ hiện trạng được duyệt ngày 29/10/2018 để phục vụ GPMB thì thửa đất của hộ ông Nguyễn Xuân T1 sử dụng có tổng diện tích là 295,4m^2, trong đó ông Nguyễn Thành L sử dụng 113,6m^2 bị thu hồi 85,2m^2 còn lại 28,4m^2 thuộc thửa 06 tờ bản đồ 01 thị trấn S và đất bị thu hồi có vị trí nằm trong phạm

vi khoảng cách 25m tính từ tim đường 6 cũ. Do đó, việc ông Nguyễn Thành L cho rằng diện tích 85,2m^2 đất bị thu hồi nêu trên là đất ở và không thuộc đất hành lang giao thông và hành lang bảo vệ đê như các văn bản của UBND huyện M đã nêu là không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: diện tích đất gia đình ông Nguyễn Thành L đang sử dụng bị thu hồi không có các giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật đất đai 2013, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật đất đai 2013, thuộc đất hành lang bảo vệ công trình giao thông, đê điều và đất công do UBND thị trấn quản lý là có căn cứ.

[3.2.2] Về bồi thường và hỗ trợ:

Do diện tích đất 85,2m^2 bị thu hồi nên trên không có các giấy tờ theo quy định và được xác định thuộc hành lang đường 6 cũ và đường Y (đường S – Đ1) như đã nhận định ở phần trên, đồng thời theo quy định tại khoản 2 Mục II Phần B Thông tư 185-TT/PC-1983 ngày 26/9/1983 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định 06-CT ngày 03/01/1990 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng thì các công trình đã có trong phạm vi lưu không từ trước ngày ban hành Nghị định số 203-HĐBT ngày 21-12-1982 do các cấp chính quyền cấp đất hoặc tự ý xây dựng phải di chuyển công trình ra khỏi hành lang của lưu không (từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào ra mỗi bên 20 mét) trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày ký quyết định. Việc bồi thường cho các công trình; nhà cửa nếu phải dỡ chỉ giải quyết cho các trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp trước đây và theo đúng quy định của nhà nước về việc quản lý đất đai. Vì vậy, UBND huyện M không phê duyệt bồi thường về đất và chỉ phê duyệt hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 80% mức bồi thường đối với tài sản xây dựng từ trước ngày 15/10/1993, kể cả phần còn lại của căn nhà sau khi bị cắt xén; hỗ trợ ổn định đời sống cho 05 nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Đối với một số cây trồng nhưng chưa được phê duyệt hỗ trợ theo Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 đã được phê duyệt bổ sung bằng 50% mức bồi thường tại Quyết định 6577/QĐ-UBND ngày 17/7/2020, UBND huyện M, ông L không khiếu nại, khiếu kiện.

Do diện tích đất gia đình ông L đang sử dụng còn lại sau thu hồi nhỏ hơn 30m^2, không còn chỗ ở nào khác, nên được mua 01 suất đất tái định cư 30m^2 theo giá quy định của UBND thành phố Hà Nội tại Khu tái định cư Z với số tiền phải nộp là 294.099.000 đồng. Ngày 24/6/2020, gia đình ông L đã nhận bàn giao trên thực địa 30m^2 đất tái định cư tại thửa 62 tờ số 01 bản đồ phục vụ công tác giao đất tái định cư Z, thị trấn S và không có khiếu nại, khiếu kiện gì.

Như vậy, quyền lợi của gia đình ông Nguyễn Thành L đã được bảo đảm, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở.

[4] Từ những nhận định trên thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện. Quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Thành L không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 116; Điều 225 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại 2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu hủy các Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M về việc thu hồi 85,2m^2 đất do hộ ông Nguyễn Thành L sử dụng để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; Quyết định 3181/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L để thực hiện GPMB dự án đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6 địa bàn thị trấn S, huyện M; Quyết định số 6108/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu); Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu).

[2] Về án phí: ông Nguyễn Thành L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000316 ngày 12/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Lê Thị Thúy Bình **Nguyễn Tất Nam** **Hồ Sỹ Hưng**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Tiến hành nghị án vụ án hành chính thụ lý số 29/2022/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đào Nguyên T, luật sư Vương Văn Q và luật sư Nguyễn Ngọc H – Văn phòng luật sư J, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 53/53 phố X, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; luật sư H có mặt, luật sư T và luật sư Q vắng mặt.

**** Người bị kiện:*** UBND và Chủ tịch UBND huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Mạnh H1 – Chủ tịch UBND huyện M; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh H2 – Phó Chủ tịch UBND huyện M; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Khắc T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh L1 – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- UBND thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H3 – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu K, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà Hiền: Ông Nguyễn Thành L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Việt H5, sinh năm 2006; vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Xuân K1, sinh năm 2008; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H5, cháu K1: Ông Nguyễn Thành L, bà Ngô Thị H4.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 116; Điều 225 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại 2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu hủy các Quyết định 3183/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M về việc thu hồi 85,2m^2 đất do hộ ông Nguyễn Thành L sử dụng để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6, thị trấn S, huyện M, thành phố Hà Nội; Quyết định 3181/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện M phê duyệt phương án chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Thành L để thực hiện GPMB dự án đường S – Đ1 nối Quốc lộ 6 địa bàn thị trấn S, huyện M; Quyết định số 6108/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu); Quyết định số 6109/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành L (lần đầu).

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

[2] Về án phí: ông Nguyễn Thành L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000316 ngày 12/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng

nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

Ý kiến khác: Không.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Hồ Sỹ Hưng **Nguyễn Tất Nam** **Lê Thị Thúy Bình**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Phòng nghị án số 4, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 441/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính" giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khối 3, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy H1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khối 1, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An (vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Nghĩa H2 – Phó chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An (vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu NA; Địa chỉ: Số 15, đường Q1, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang L – Tổng Giám đốc (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H3 – Chủ tịch phường (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khối 3, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh

tụng tại phiên tòa,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 144/2021/HC-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1239/QĐ-TNMT ngày 02/6/2020 của UBND huyện A và Quyết định số 5831/QĐ-CTUB ngày 11/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện A về việc giải quyết khiếu nại.

Bác các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị M.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

Ý kiến khác: Không.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Lê Thị Thúy Bình **Nguyễn Văn Cường** **Hồ Sỹ Hưng**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Phòng nghị án số 4, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 441/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính" giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khối 3, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy H1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khối 1, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An (vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Nghĩa H2 – Phó chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An (vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu NA; Địa chỉ: Số 15, đường Q1, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang L – Tổng Giám đốc (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H3 – Chủ tịch phường (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khối 3, phường X, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2021/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của 09 hộ gia đình trú tại Khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu NA (lần 2); Quyết định số 2957/QĐ - UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị H, trú tại khối 3, phường X, thành phố V (lần 1); Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0004891 ngày 12/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

Ý kiến khác: Không.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Lê Thị Thúy Bình **Phan Thị Vân Hương** **Hồ Sỹ Hưng**